

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm nhẹ trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngành thép và bất động sản với thanh khoản tăng

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở.

## [Thông tin doanh nghiệp]

KDH, DPM

## [Cập nhật công ty]

VHM

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị thực hiện trading xoay vòng chốt lời tại các vùng kháng cự đáng lưu ý và kê mua trở lại một phần tỷ trọng quanh vùng hỗ trợ sau đó.

07/06/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,109.54	+0.11
VN30	1,105.68	+0.30
HĐTL VN30F1M	1,098.00	+0.17
HNXIndex	230.33	+0.70
HNX30	427.39	+1.02
UPCoM	84.56	+0.15
USD/VND	23,485	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.06	-0
Lãi suất qua đêm (%)	3.55	-15
Dầu (WTI, \$)	71.40	-0.47
Vàng (LME, \$)	1,959.13	-0.22



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,109.54 (+0.11%)  
**KLGD (triệu CP)** 930.4(+21.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 770.0(+15.6%)

TTCK Việt Nam tăng điểm nhẹ trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngành thép và bất động sản với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại VNM (-0.3%), ST8 (-1.2%) và HCM (-0.5%).

**HNXIndex** 230.33(+0.70%)  
**KLGD (triệu CP)** 114.0 (-23.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 77.7 (-6.0%)

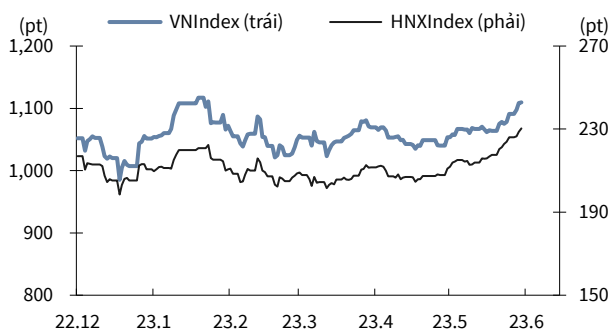
Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Ba, hợp đồng dầu Brent lùi 42 cent (tương đương 0.6%) xuống 76.29 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI mất 41 cent (tương đương 0.6%) còn 71.74 USD/thùng. Cổ phiếu ngành dầu khí tăng giá ở BSR (+1.2%), PVC (+2.2%).

**UPCoM** 84.56 (+0.15%)  
**KLGD (triệu CP)** 65.6 (-5.7%)  
**GTGD (triệu US\$)** 32.1 (+7.3%)

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Năm ước đạt 519 nghìn tỷ đồng, tăng 1.5% so với tháng trước và tăng 11.5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 2,527.1 nghìn tỷ đồng, tăng 12.6% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8.3%. Cổ phiếu ngành bán lẻ tăng giá ở DGW (+1.88%), FRT (+0.35%).

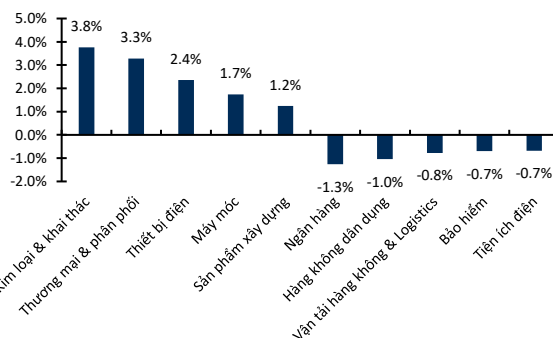
**ĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -9.9

## VNIndex & HNXIndex



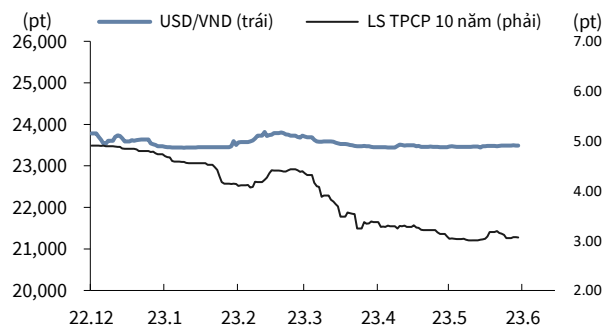
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



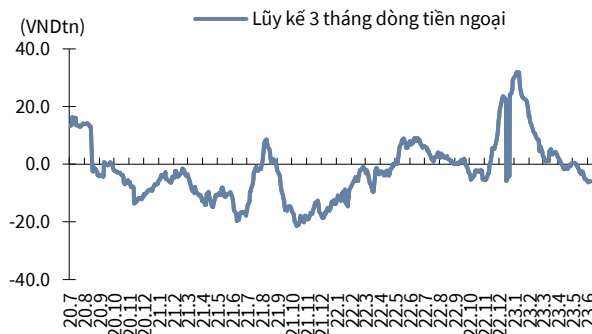
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



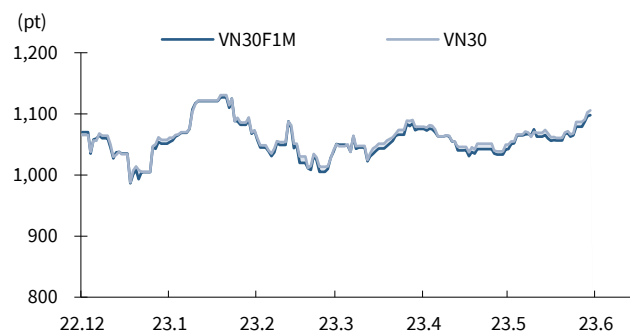
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,105.68(+0.30%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,098.0 (+0.17%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,099.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,100.4</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,093.2</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>159,278 (+2.4%)</b>

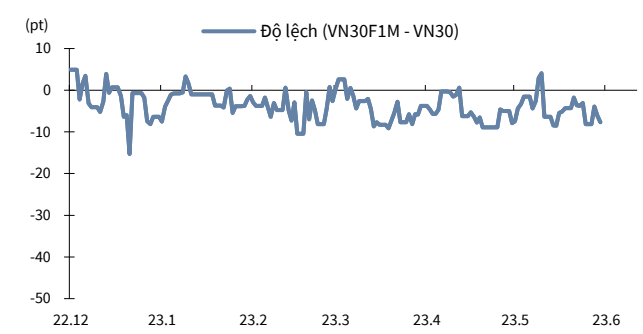
Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2306 và VN30 mở cửa tại -2.52 điểm, sau đó biến động trong biên độ âm quanh mức -7.6 điểm và đóng cửa tại -7.68 điểm. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.

## HĐTL VN30F1M & VN30



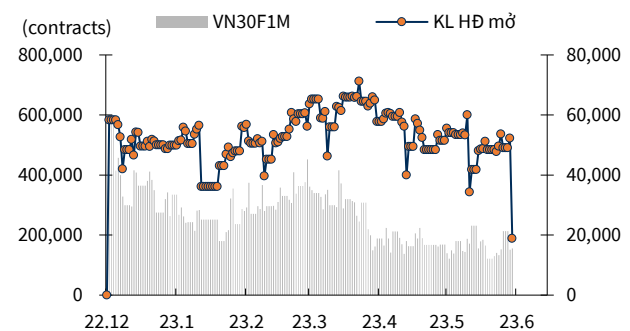
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



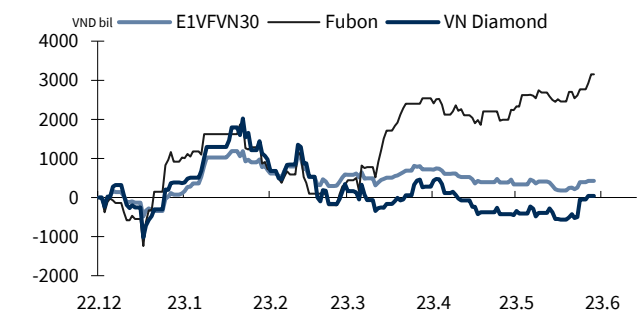
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

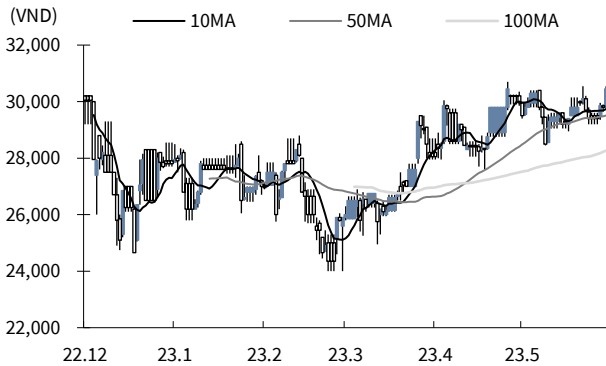
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (KDH)

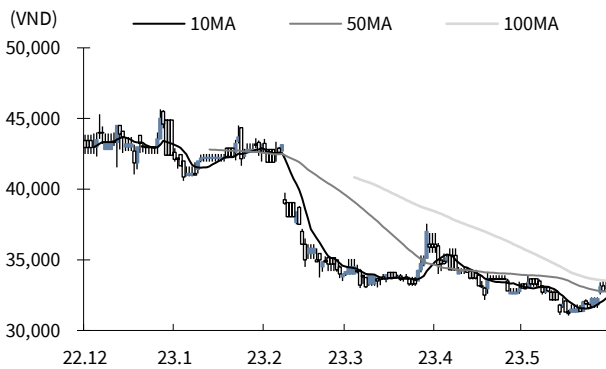


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KDH tăng 2.2% lên 30,450 VND/cp

- Công ty cổ phần Quản lý quỹ VinaCapital vừa thông báo hoàn tất bán ra 5,830 cổ phiếu KDH của Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh nhà Khang Điền. Giao dịch được thực hiện trong ngày 5/6/2023. Theo đó, VinaCapital đã giảm sở hữu từ 144,100 cổ phiếu (0.0201%) xuống còn 138,270 cổ phiếu (0.0193%).

## Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DPM tăng 1.2% lên 33,200 VND/cp

- Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí vừa công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Theo đó, Đạm Phú Mỹ đặt mục tiêu LNST 2,250 tỷ đồng và doanh thu ở mức 17,372 tỷ đồng, lần lượt giảm 59% và giảm 6.7% so với mức nền cao đột biến trong năm ngoái. Bên cạnh đó, doanh nghiệp dự kiến sẽ chia cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ lên tới 70%.

# CTCP Vinhomes (VHM)

Doanh số bán hàng được hỗ trợ bởi hoạt động bán buôn

06/06/2023

Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga  
ngaphb@kbsec.com.vn

## Lợi nhuận Quý 1 đến từ bàn giao tại dự án Ocean Park 2 và 3

Doanh thu Quý 1/2023 của Vinhomes đạt 29.3 nghìn tỷ VND (+228%YoY) chủ yếu nhờ bàn giao tại dự án Ocean Park 2. Nếu tính cả các giao dịch bán buôn tại dự án Ocean Park 2 và 3 (được ghi nhận vào doanh thu tài chính) và dự án BCC, doanh thu đạt 42.5 nghìn tỷ VND (+198%YoY). Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 11.9 nghìn tỷ VND (+162%YoY).

## Doanh số bán hàng trong Quý 1/2023 được hỗ trợ bởi hoạt động bán buôn

Trong quý 1/2023, Vinhomes đã bán được 2,300 sản phẩm (-76%YoY) với tổng giá trị hợp đồng đạt 15.7 nghìn tỷ VND (-5%YoY), trong đó 11.2 nghìn tỷ VND đến từ giao dịch bán buôn tại dự án Ocean Park 2 và Ocean Park 3 và 4.5 nghìn tỷ đồng từ giao dịch bán lẻ, phần lớn đến từ 223 căn tại dự án Ocean Park 3. Tổng giá trị hợp đồng đã bán và chưa ghi nhận doanh thu lũy kế tính đến cuối quý 1/2023 đạt 92.7 nghìn tỷ VND (+63%YoY).

## Tiếp tục đẩy mạnh bán hàng tại hai dự án Ocean Park 2 và Ocean Park 3

Trong năm 2023, Vinhomes sẽ tiếp tục đẩy mạnh bán hàng tại hai dự án Ocean Park 2 và Ocean Park 3 và dự kiến mở bán hai dự án mới bao gồm Vũ Yên (Hải Phòng) và Golden Avenue (Quảng Ninh), tùy thuộc vào điều kiện của thị trường. Chúng tôi ước tính tổng giá trị hợp đồng bán hàng năm 2023 đạt 74.2 nghìn tỷ VND (-42%YoY), phần lớn đến từ dự án Ocean Park 2 và Ocean Park 3.

## Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 78,300VND/cổ phiếu

Vinhomes duy trì vị thế hàng đầu nhờ quỹ đất rộng lớn và khả năng triển khai dự án mạnh. Dựa trên triển vọng kinh doanh và định giá, chúng tôi tiếp tục đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu Vinhomes với giá mục tiêu là 78,300VND/cp, cao

## Mua duy trì

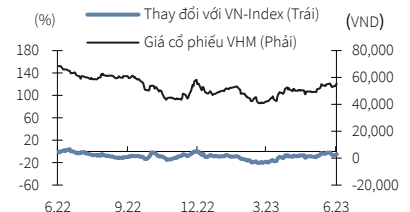
<b>Giá mục tiêu</b>	<b>78,300VND</b>
Tăng/giảm (%)	42%
Giá hiện tại (06/06/2023)	55,000VND
Giá mục tiêu đồng thuận	73,200VND
Vốn hóa thị trường	240,410.2

<b>Dữ liệu giao dịch</b>	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	23.7%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	88.0/3.7
Sở hữu nước ngoài (%)	25.6%
Cổ đông lớn	Vingroup (66.66%)

<b>Biến động giá cổ phiếu</b>				
(%)	<b>1M</b>	<b>3M</b>	<b>6M</b>	<b>12M</b>
Tuyệt đối	12	35	10	-19
Tương đối	7	27	0	-5

FY-end	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	84,986	62,393	93,412	94,458
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	47,665	37,973	39,081	38,233
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	38,825	28,831	30,276	29,267
EPS (VND)	8,916	6,575	6,953	6,721
Tăng trưởng EPS (%)	9	-26	6	-3
P/E (x)	4.99	6.77	7.91	8.18
P/B (x)	1.55	1.34	1.36	1.17
ROE (%)	35	20	17	14
Tỷ suất cổ tức (%)	4%	0%	0%	0%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

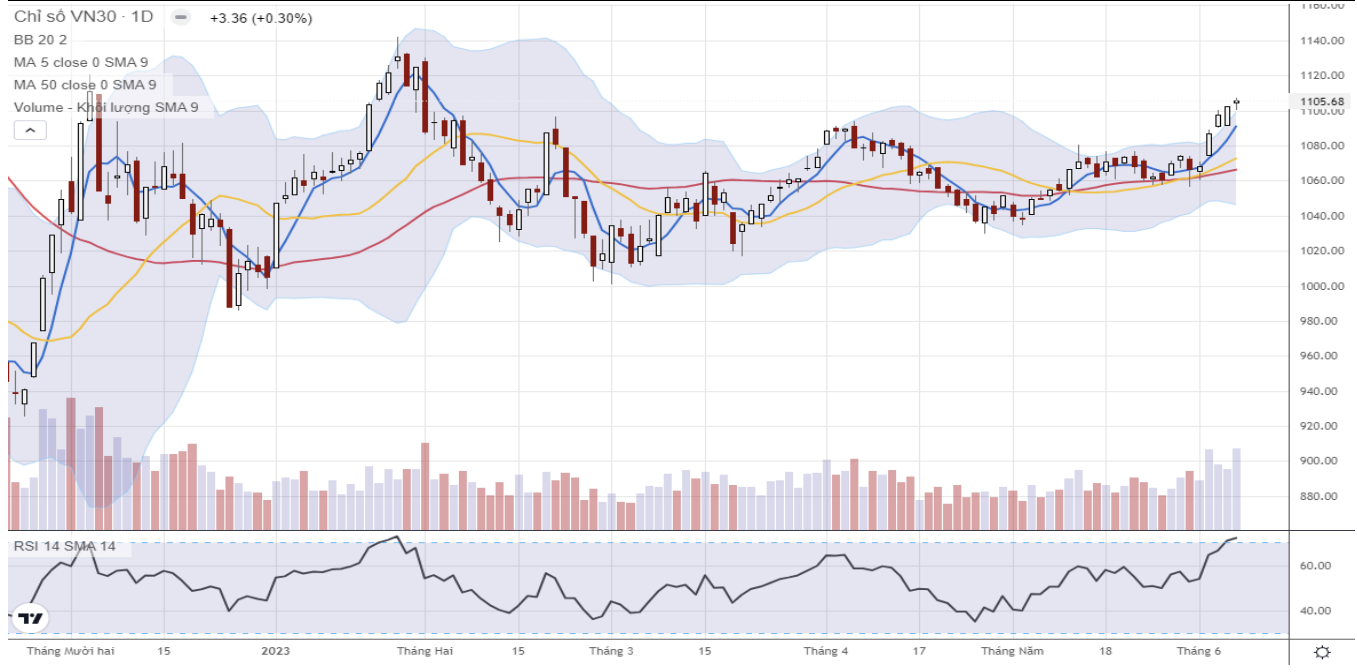
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



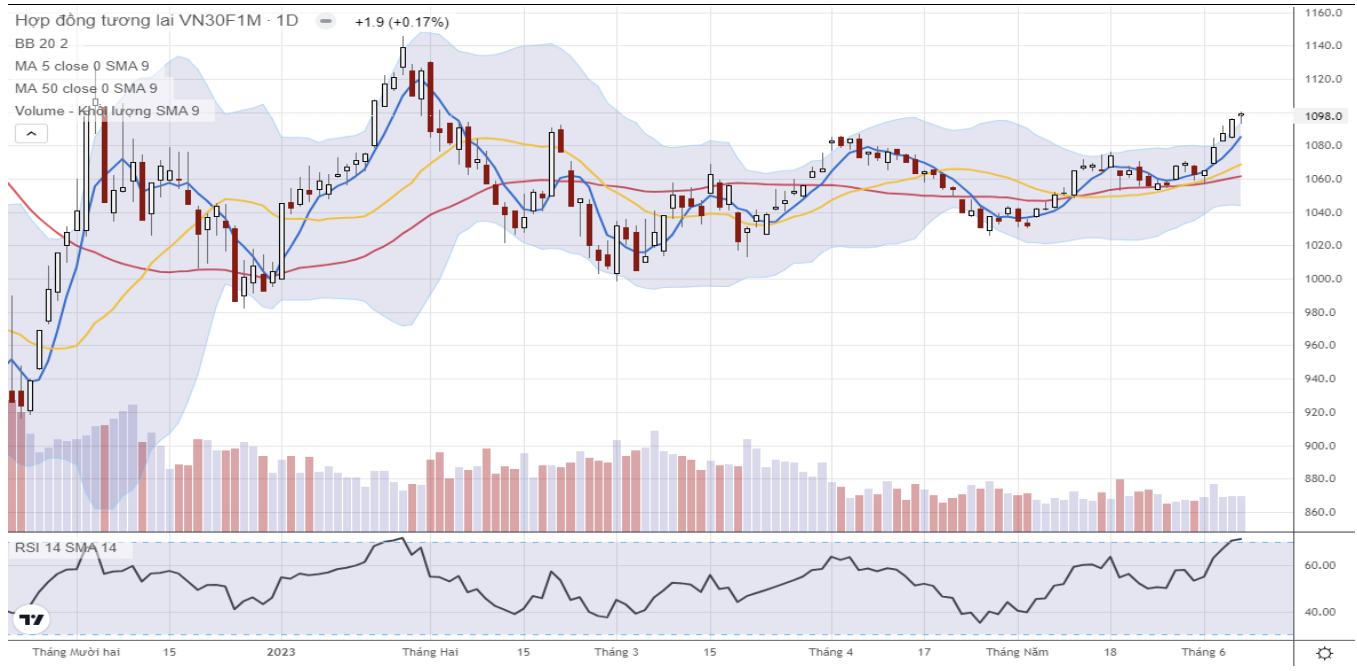
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex điều chỉnh giảm co trong phiên trước khi dần hồi phục và lấy lại một phần thành quả đã mất trong phiên.
- Áp lực chốt lời suy yếu kết hợp với lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên đã giúp cho chỉ số bảo vệ thành công ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1100 (+5). Mặc dù áp lực rung lắc sẽ còn tiếp diễn trong các phiên tới, cơ hội mở rộng đà tăng điểm tích cực và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp 1120 (+5) của VNIndex vẫn tiếp tục được đánh giá cao.
- NĐT được khuyến nghị thực hiện trading xoay vòng chốt lời tại các vùng kháng cự đáng lưu ý và kê mua trở lại một phần tỷ trọng quanh vùng hỗ trợ sau đó.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1105 – 1110

Kháng cự gần: 1100 – 1102

Hỗ trợ gần: 1090 – 1093

Hỗ trợ xa: 1085 – 1088

- F1 điều chỉnh giảm cơ trong phiên trước khi dần hồi phục và lấy lại một phần thành quả đã mất trong phiên.
- Áp lực bán có phần suy yếu kết hợp với lực cầu gia tăng về cuối phiên đã giúp cho chỉ số bảo vệ thành công ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1090 (+5). Mặc dù áp lực rung lắc sẽ còn tiếp diễn trong các phiên tới, cơ hội mở rộng đà tăng điểm tích cực và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp 1110 (+5) của VNIndex vẫn tiếp tục được đánh giá cao.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading hai chiều.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

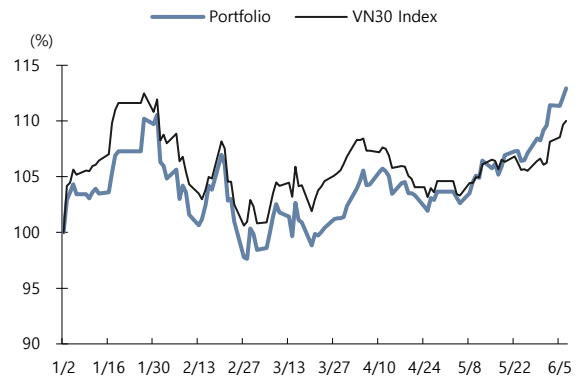
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.30%	0.70%
Tăng lũy kế (YTD)	10.00%	12.93%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 07/06/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	41,800	0.0%	8.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	25,100	-0.2%	19.8%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỳ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	72,600	-0.3%	26.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	26,250	1.7%	7.1%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	19,650	1.0%	14.9%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	85,000	-0.4%	250.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,900	0.7%	52.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	94,500	-0.6%	28.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	22,600	3.9%	103.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	28,300	1.1%	175.4%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	0.6%	24.4%	60.5
SSI	-0.2%	43.4%	60.0
GEX	5.6%	11.7%	52.8
KBC	1.1%	18.7%	22.2
KDH	2.2%	37.2%	21.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.3%	54.9%	-126.8
ST8	-1.2%	24.0%	-86.8
HCM	-0.5%	47.0%	-35.0
FUEVFNVD	0.3%	96.6%	-20.8
MSN	2.6%	30.1%	-19.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	0.0%	15.8%	3.1
IDC	1.7%	1.1%	1.6
SAF	0.0%	3.6%	0.2
CLH	-0.7%	2.8%	0.1
PVC	2.2%	0.8%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	0.0%	20.9%	-7.2
SD5	9.6%	7.6%	-3.2
BVS	-0.8%	6.6%	-1.1
PTI	9.1%	38.2%	-1.1
PVG	1.1%	4.7%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	8.1%	VPG, TSC, BTT, TNA
Thiết bị điện	6.8%	GEX, SAM, CAV, RAL
Kim loại & khai thác	6.6%	HPG, HSG, NKG, KSB
Bán lẻ hàng chuyên dụng	6.0%	MWG, FRT, CTF, HAX
Chứng khoán	5.6%	SSI, VND, HCM, VCI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-2.6%	TLG, ILB, APC, ST8
Hàng không dân dụng	-0.7%	VJC, HVN
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-0.3%	AST, VNG, DSN, DAH
Vật liệu xây dựng	0.0%	HT1, PTB, GAB, ACC
Phụ tùng oto	0.0%	DRC, CSM, PAC, TNC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	25.2%	VPG, TSC, BTT, TNA
Chứng khoán	17.4%	SSI, VND, HCM, VCI
Máy móc	16.9%	TCH, HHS, SRF, SHA
Tiện ích điện	14.8%	PGV, NT2, PPC, TTA
Hóa chất	14.4%	GVR, DGC, DPM, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	-6.2%	DRC, CSM, PAC, TNC
Đồ uống	-3.3%	SAB, BHN, SMB, SCD
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-3.2%	TNH, JVC, VMD
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-2.9%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Vận tải hàng không & Logistics	-2.7%	TMS, SCS, STG, ASG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtriệu, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	96,684 (4.1)	22.5	71.2	65.1	14.7	2.5	2.7	1.8	1.8	-0.8	1.5	4.1	-1.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	81,414 (3.5)	26.6	7.8	7.2	35.9	19.4	17.9	1.4	1.2	0.5	3.4	12.9	15.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	87,618 (3.7)	17.8	15.7	14.1	-7.6	11.0	11.9	1.7	1.6	-0.4	0.6	0.4	3.6
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	274,420 (11.7)	31.3	-	-	6.7	-	-	-	-	7.0	7.8	7.4	3.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	57,040 (2.4)	11.6	23.1	16.4	13.7	8.1	11.3	1.7	1.6	2.2	2.5	0.8	14.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	279,371 (11.9)	13.9	37.1	27.9	-	2.8	3.6	-	-	2.0	2.0	15.2	19.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	63,874 (2.7)	6.3	13.5	11.8	11.7	23.0	21.0	2.7	2.2	-2.0	3.2	8.0	21.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	31,545 (1.3)	12.7	11.6	9.6	-5.3	20.3	20.4	1.9	1.6	-1.0	0.8	2.1	14.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	131,540 (5.6)	0.0	5.6	4.8	14.3	16.8	16.2	0.9	0.7	-0.3	8.8	13.6	26.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	112,969 (4.8)	1.4	8.5	7.0	50.3	16.4	17.2	1.1	1.0	0.7	3.2	3.8	6.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	192,230 (8.2)	0.0	8.9	6.9	18.8	12.6	12.5	1.1	1.0	0.3	3.1	2.3	11.2
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	183,780 (7.8)	0.0	5.0	4.3	14.6	22.2	20.7	1.0	0.8	-0.5	9.4	12.4	19.0
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	39,643 (1.7)	4.2	4.7	4.6	23.3	24.2	20.7	1.1	0.9	-1.0	3.3	-0.3	19.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	443,665 (18.9)	14.0	7.5	4.4	26.5	19.4	25.1	1.1	0.9	0.2	2.3	13.6	26.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	128,200 (5.5)	0.0	6.8	6.0	37.4	20.6	20.5	1.2	1.0	1.7	5.0	12.4	24.7
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	84,079 (3.6)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	2.4	5.7	13.8	-7.9	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	27,497 (1.2)	21.0	16.1	14.4	15.8	10.1	10.6	1.6	1.5	-0.7	2.6	-2.7	-4.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,979 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	-0.2	1.9	5.0	13.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	467,465 (19.9)	55.4	20.8	16.8	-3.2	8.3	10.2	-	-	-0.2	8.4	17.0	41.8
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	162,006 (6.9)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	0.1	1.9	10.5	51.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	149,491 (6.4)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-0.5	1.7	10.4	37.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	506,894 (21.6)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-0.3	10.0	30.5	42.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	121,514 (5.2)	42.1	15.8	14.5	4.0	29.0	30.7	4.0	3.8	-0.3	0.2	-3.8	-13.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	18,956 (0.8)	36.9	22.4	20.4	7.3	21.2	21.5	3.9	4.3	-0.1	1.1	-3.4	-4.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	67,796 (2.9)	16.5	41.0	19.1	-51.9	8.0	12.9	3.8	3.8	2.6	4.9	3.4	-18.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	18,346 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.8	1.3	13.3	-3.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	63,937 (2.7)	11.0	83.5	45.3	-88.5	5.9	11.2	-	-	-1.1	-0.9	0.6	-11.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	36,671 (1.6)	10.8	12.5	16.4	-57.0	22.4	11.9	1.8	1.7	-1.9	1.8	2.0	12.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	133,644 (5.7)	38.4	14.6	11.9	65.7	2.4	3.8	0.9	0.9	1.1	3.4	27.3	41.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	256,804 (10.9)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	5.6	23.0	37.7	53.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	38,018 (1.6)	3.6	24.1	20.3	-52.4	2.5	2.8	-	-	-1.4	2.5	10.1	99.4
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	36,084 (1.5)	0.0	11.1	10.6	-4.5	15.9	15.3	1.5	1.4	0.0	2.6	9.6	1.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	43,109 (1.8)	46.1	15.7	15.6	-17.5	19.0	18.2	2.9	2.7	-0.6	1.8	2.8	-6.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,094 (0.9)	31.4	12.2	11.9	-10.5	15.1	17.1	2.0	2.0	-2.4	-0.9	5.0	13.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,685 (0.2)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	0.0	5.8	6.5	29.6
Nguyê n vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	403,888 (17.2)	18.0	14.4	10.5	21.9	9.2	11.6	1.3	1.1	3.9	6.6	5.4	25.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	71,493 (3.0)	36.5	8.8	10.0	-0.5	12.3	11.0	1.0	1.0	1.2	4.1	1.5	-22.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	69,625 (3.0)	46.5	11.5	8.5	-4.5	10.8	15.5	1.3	1.3	0.6	5.1	10.4	-3.6
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	249,857 (10.6)	38.9	-	13.8	67.9	-0.7	6.7	0.9	0.8	4.0	8.8	7.7	45.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	68,033 (2.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.3	2.6	8.8	71.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	27,386 (1.2)	4.6	16.2	14.3	-51.0	12.0	12.5	1.9	1.9	0.0	3.7	2.9	22.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	137,428 (5.9)	39.9	19.6	13.1	-11.9	5.1	7.7	0.9	0.9	1.0	1.0	19.0	37.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	64,090 (2.7)	35.9	8.2	7.1	2.2	13.8	14.3	1.1	1.0	-0.7	1.2	6.4	-2.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	99,963 (4.3)	0.0	21.3	11.6	14.4	11.1	18.3	2.3	2.1	0.0	6.6	10.6	-2.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	28,602 (1.2)	0.0	13.6	11.0	2.4	20.5	22.0	2.4	2.1	-0.3	2.4	-4.7	-19.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,609 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	7.0	13.6	36.6	54.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	39,434 (1.7)	30.3	44.6	18.5	-75.2	-	14.1	3.4	2.8	0.3	3.8	3.3	-4.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	30,726 (1.3)	34.6	11.0	11.0	41.2	17.6	15.8	1.8	1.6	1.3	0.2	16.4	20.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,463 (0.2)	45.4	11.8	10.9	10.7	25.6	24.6	3.0	2.5	0.0	1.9	-3.3	32.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	70,364 (3.0)	0.0	15.7	12.9	15.5	27.5	27.9	3.9	3.3	-0.4	1.1	8.4	10.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhdt@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tiens@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.